

BẢN TIN THAN NGÀY

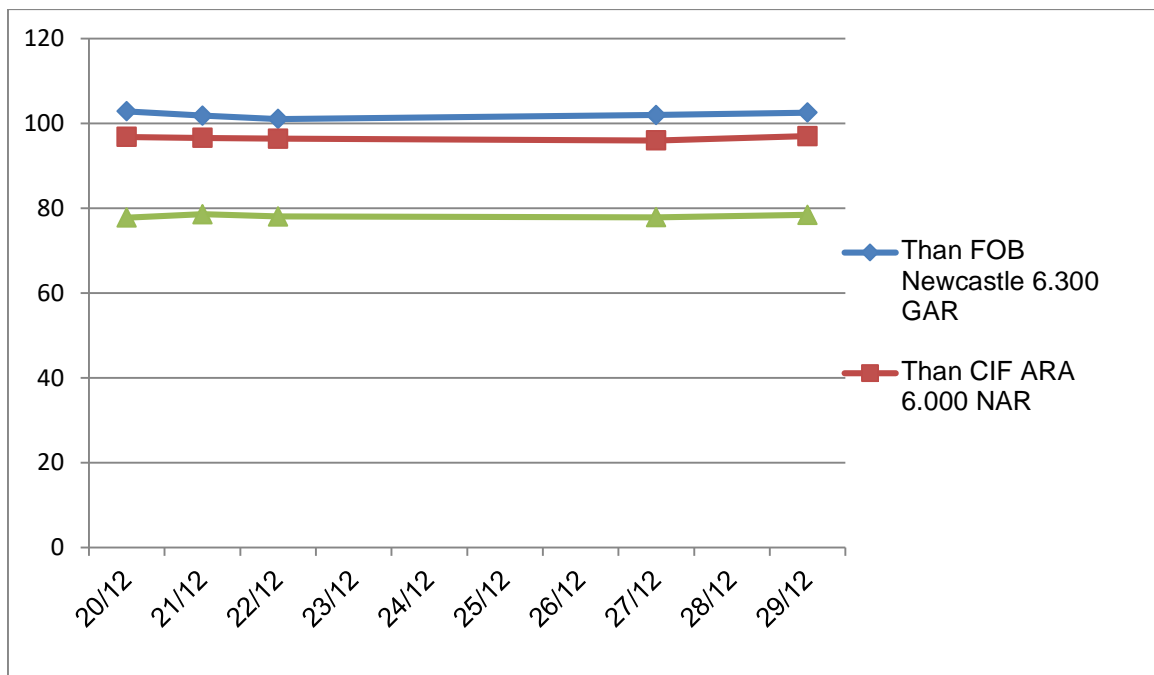
Ngày 02/01/2018

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	102,55	+0,10	105,25	+0,35
CIF ARA 6.000 NAR	97,00	+0,35	96,95	+0,35
FOB Richards Bay 5.500 NAR	78,45	+0,30	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	84,00	+0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	66,60	+0,10

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	55,35	+0,20	420,52	+0,53
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	74,45	+0,00	565,62	-1,36
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	87,70	+0,00	666,29	-1,59

GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2018



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 29/12/2017)

DIỂM TIN

Thị trường than nhiệt Châu Á ổn định trong thời điểm cuối năm

Giá than trên thị trường than nhiệt đường biển Châu Á không có biến động lớn trong phiên giao dịch cuối cùng của năm 2017, ngoại trừ giá than 3.800 kcal/kg NAR, điều kiện CFR Trung Quốc tăng nhẹ khoảng 20 cent/tấn. Một công ty khai thác than của Indonesia cho biết đã ký kết đơn hàng giao trong tháng 1, vận chuyển bằng tàu Supramax cho than 3.800 kcal/kg NAR, 0,5% lưu huỳnh ở mức 47,50 USD/tấn, điều kiện FOB.

Mặc dù kỳ nghỉ lễ đã bắt đầu song một số giao dịch vẫn được ghi nhận trên thị trường. Dự báo trong tháng 1 thị trường sẽ tiếp tục giữ ổn định nhờ nhu cầu lớn từ phía Trung Quốc. Trong khi đó sản lượng của một số công ty khai thác đã bị ảnh hưởng do mưa lớn trong tháng 12, có công ty buộc phải cắt giảm sản lượng đến 30%. Trong khi đó một số đơn hàng giao trong tháng 12 năm 2017 đã phải giao trong tháng 1 với khối lượng khoảng 300.000 – 400.000 tấn. Một số khách hàng Trung Quốc muốn mua than 3.400 kcal/kg NAR với giá 38 USD/tấn, điều kiện FOB Kalimantan, dự kiến tàu sẽ cập cảng vào cuối tháng 1, tuy nhiên khách hàng muốn hàng phải được giao từ giữa tháng 1 hoặc đầu tháng 2.

Tại các thị trường khác, Ấn Độ không có nhiều hoạt động mua bán, trong khi nhu cầu từ Việt Nam và Thái Lan giữ ổn định. Một khách hàng ở Nam Trung Quốc cho biết đã đặt 2 đơn hàng vận chuyển bằng tàu Supramax cho than Indonesia nhiệt trị 3.400 kcal/kg với giá 37,30 USD/tấn và 38,50 USD/tấn, theo điều kiện FOB, giao hàng trong tháng 1. Một nguồn tin từ Indonesia cho biết đã nhận được 1 gói thầu yêu cầu vận chuyển than bằng tàu Panamax, than nhiệt trị 4.700 kcal/kg NAR ở mức 68 USD/tấn, điều kiện FOB giao hàng trong tháng 1, tuy nhiên hiện tại rất khó để đáp ứng được yêu cầu về thời hạn giao hàng như trên.

Tình hình giá than nội địa của Trung Quốc cuối năm 2017

Giá than nội địa Trung Quốc hiện vẫn đang ở mức cao, than 5.500 kcal/kg NAR được giao dịch ở mức 710 – 715 NDT/tấn, điều kiện FOB Qinhuangdao, than 5.000 kcal/kg NAR ở mức 635 NDT/tấn. Các khách hàng tại tỉnh Guangxi, Trung Quốc đang có nhu cầu mua than Australia 5.500 kcal/kg NAR, tuy nhiên phần lớn các chuyến hàng giao trong tháng 1 đã được bán hết. Các khách hàng này cũng không muốn mạo hiểm đặt đơn hàng giao trong tháng 2 do lo ngại về các chính sách hạn chế nhập khẩu trong tháng tới. Hiện loại than Australia, độ tro cao được giao dịch trong khoảng từ 690 – 700 NDT/tấn, điều kiện CFR đối với khu vực thuộc phía Nam, Trung Quốc.

Các loại than được giao dịch nhiều nhất tại thị trường Châu Á – Thái Bình Dương trong năm 2017 là than Indonesia nhiệt trị 3.800 kcal/kg (PCC6) và 4.700 kcal/kg NAR (PCC7). Giá than PCC6 đã tăng 29,3% từ mức 42,80 USD/tấn vào ngày 03/01/2017 lên 55,35 USD/tấn ngày 30/12/2017, điều kiện CFR đối với khu vực thuộc phía Nam, Trung Quốc. Cũng trong cùng khoảng thời gian như trên, giá than PCC7 đã tăng 22,45% từ mức 60,80 USD/tấn lên mức 74,45 USD/tấn, điều kiện CFR đối với khu vực thuộc phía Nam, Trung Quốc, theo dữ liệu thống kê của S&P Global Platts. Giá than PCC8 nhiệt trị 5.500 kcal/kg NAR vận chuyển đến khu vực phía Nam Trung Quốc đã tăng 20,1% trong năm 2017 từ mức 73 USD/tấn ngày 03/01/2017 lên 87,70 USD/tấn, điều kiện CFR thống kê hôm 30/12/2017.

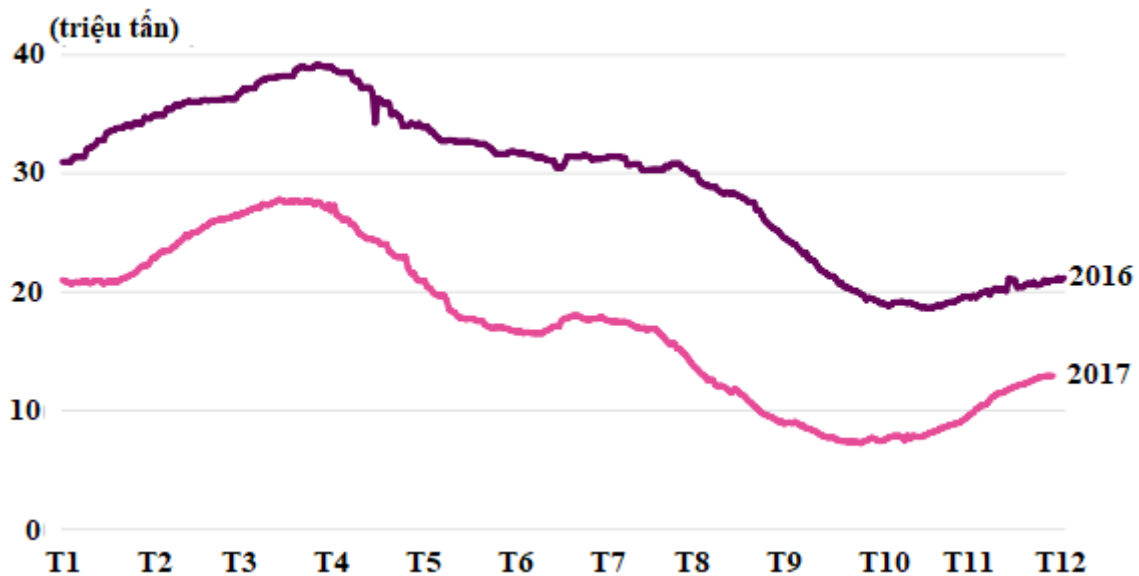
Ngoài ra các loại than nhiệt trị 5.500 kcal/kg NAR (PCC1) và 5.000 kcal/kg NAR (PCC2) nội địa của Trung Quốc tăng trung bình 13% trong năm 2017. Chỉ số than nhiệt Đông Bắc Châu Á (The Northeast Asia Thermal Coal index) cho các quốc gia như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan kết thúc năm 2017 đạt mức 97,30 USD/tấn, tăng 17,2% từ mức 83 USD/tấn, điều kiện CFR Kinuura theo thống kê hôm 03/01/2017. Giá than Newcastle nhiệt trị 5.500 kcal/kg NAR trong năm 2017 đã tăng 15% từ mức 68 USD/tấn, điều kiện FOB, độ tro 20% thống kê hôm 03/01/2017 lên mức 78,25 USD/tấn thống kê hôm 30/12/2017.

Lượng than dự trữ tại các NMNĐ của Ấn Độ tăng 2,6% so với tuần trước

Tổng lượng than dự trữ tại kho của các NMNĐ tại Ấn Độ đã tăng 2,6% lên mức 12,931 triệu tấn theo thống kê hôm 27/12/2017 vừa qua, theo dữ liệu từ Cơ quan Điện lực Trung ương Central Electricity Authority. Lượng than dự trữ tại kho đã giảm 37,8% so với cùng kỳ năm ngoái nhưng lại tăng 33,3% so với tháng trước đó, và đủ cung cấp trong 9 ngày vận hành của các NMNĐ, tương đương với tuần trước. Số lượng NMNĐ trong tình trạng thiếu than khẩn cấp hoặc rất khẩn cấp giảm

xuống còn 10 NMNĐ từ con số 12 NMNĐ trong tuần trước đó. Lượng than nhập khẩu dự trữ tại các kho nhà máy đã tăng 15,9% so với tuần trước lên mức 365.000 tấn theo thống kê hôm 27/12/2017 vừa qua, sau khi đạt mức cao 380.000 hời đầu tuần ngày 25/12/2017.

Lượng than dự trữ của Ấn Độ



(Nguồn: Platts)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn
Capesize (150.000 tấn)	Úc	Trung Quốc	6,55	+0,00
	Queensland	Nhật Bản	7,60	+0,00
	New South Wales	Hàn Quốc	7,85	+0,00
Panamax (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	12,05	+0,00
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	8,80	+0,00
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	12,25	+0,00
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	7,45	+0,00
	Úc	Trung Quốc	11,20	+0,00
	Úc	Ấn Độ	12,45	+0,00

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 29/12/2017)